



**Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng  
Trường Thịnh**

Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn  
từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024  
kèm theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ



# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán riêng	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng	9

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024  
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

## 1. Thông tin về Công ty

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022	Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

### 1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty tại số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

### 1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

### 1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 44 nhân viên (Tại ngày 31.12.2023: 42 nhân viên).

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024  
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

## 2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

## 3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch
Ông Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên

Thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng

## 4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

## 4. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Đinh Xuân Hoàng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, đại diện cho Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán riêng kèm theo của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



ĐINH XUÂN HOANG  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2024

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số: 028/2024/HĐKT-DFKHN-A

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (“Công ty”), được lập ngày 9 tháng 9 năm 2024, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5 của các báo cáo tài chính, trong đó thể hiện về việc Công ty đi hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số tiền thực tế hợp tác và hợp đồng trên đã được gia hạn đến ngày 6 tháng 4 năm 2026. Đồng thời, theo Thuyết minh 14 của các báo cáo tài chính, Công ty nhận hợp tác đầu tư từ ông Bùi Xuân Huy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 với mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế.

Chúng tôi cũng lưu ý đến Thuyết minh 26 của các báo cáo tài chính. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt giá trị tài sản ngắn hạn là khoảng 308 tỷ đồng. Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được soát xét bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến luận chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo soát xét đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.



**PHẠM THÈ HUNG**  
**Phó Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
Số: 0495-2023-042-1

HÀ NỘI  
Ngày 9 tháng 9 năm 2024

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán riêng  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30.6.2024	1.1.2024
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>44.758.287.075</b>	<b>241.224.459.864</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>862.790.076</b>	<b>7.918.260.814</b>
1. Tiền	111		862.790.076	7.918.260.814
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.414.668.839</b>	<b>233.137.738.050</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	8.818.352.067	9.978.392.054
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.251.994.894	916.850.439
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	33.344.321.878	218.242.495.557
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>480.828.160</b>	<b>168.461.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	480.828.160	168.461.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>818.314.846.075</b>	<b>657.852.179.890</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>183.163.747.965</b>	<b>53.747.965</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5	183.163.747.965	53.747.965
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>233.881.657.446</b>	<b>242.401.376.433</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	233.881.657.446	242.401.376.433
- Nguyên giá	222		474.417.372.118	474.417.372.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.535.714.672)	(232.015.995.685)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>399.300.315.972</b>	<b>412.608.484.070</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	8	234.220.000.000	234.220.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	216.000.000.000	216.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254	9	(50.919.684.028)	(37.611.515.930)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.969.124.692</b>	<b>2.788.571.422</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.969.124.692	2.788.571.422
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>863.073.133.150</b>	<b>899.076.639.754</b>

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán riêng  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>602.618.014.085</b>	<b>622.322.971.778</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>352.918.014.085</b>	<b>350.722.971.778</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.645.844.400	2.616.455.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.899.560	80.899.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.427.063.199	5.346.571.677
4. Phải trả người lao động	314		437.047.931	420.595.730
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	8.822.319.214	8.790.674.335
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	55.740.570.563	49.136.405.479
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	282.726.467.682	284.293.567.680
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		37.801.536	37.801.536
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>249.700.000.000</b>	<b>271.600.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	176.100.000.000	176.100.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	73.600.000.000	95.500.000.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>260.455.119.065</b>	<b>276.753.667.976</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>260.455.119.065</b>	<b>276.753.667.976</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.187.286	32.187.286
3. Lỗ lũy kế	421		(24.481.068.221)	(8.182.519.310)
- Lãi/(Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(8.182.519.310)	10.032.482.138
- Lỗ kỳ này	421b		(16.298.548.911)	(18.215.001.448)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>863.073.133.150</b>	<b>899.076.639.754</b>

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính

Ngày 9 tháng 9 năm 2024



ĐÌNH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh riêng  
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
1. Doanh thu	01	17	28.728.440.823	33.067.061.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		28.728.440.823	33.067.061.628
4. Giá vốn hàng bán	11	18,19	(12.432.839.996)	(12.372.719.108)
5. Lợi nhuận gộp	20		16.295.600.827	20.694.342.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.307.076.519	14.579.141.686
7. Chi phí tài chính	22	21	(37.497.857.871)	(47.153.407.644)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(24.189.689.773)	(23.561.878.946)
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	(1.951.999.987)	(2.268.139.203)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(15.847.180.512)	(14.148.062.641)
11. Thu nhập khác	31		418.471	-
12. Chi phí khác	32	23	(451.786.870)	(151.938.561)
13. Lợi nhuận khác	40		(451.368.399)	(151.938.561)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.298.548.911)	(14.300.001.202)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	12	-	(166.255.098)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(16.298.548.911)	(14.466.256.300)

*Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.*

Ngày 9 tháng 9 năm 2024



**ĐINH XUÂN HOÀNG**  
Tổng Giám đốc

**HOÀNG HỮU ĐIỀN**  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ riêng (phương pháp gián tiếp)  
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(16.298.548.911)	(14.300.001.202)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	6	8.519.718.987	8.519.718.984
Các khoản dự phòng	03		13.308.168.098	17.521.642.395
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	19	(7.307.076.519)	(14.579.141.686)
Chi phí lãi vay	06	20	24.189.689.773	23.561.878.946
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>				
	08		22.411.951.428	20.724.097.437
Thay đổi các khoản phải thu	09		9.917.402.361	59.411.823.967
Thay đổi các khoản phải trả	11		1.351.046.744	(53.656.637.229)
Thay đổi chi phí trả trước	12		507.079.570	573.792.624
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.645.694.210)	(25.715.873.439)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.541.785.893</b>	<b>1.337.203.360</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay	23		4.000.000.000	-
2. Thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		2.743.369	1.915.893.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.002.743.369</b>	<b>1.915.893.531</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.1	-	117.377.346.414
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	3.2	(24.600.000.000)	(120.897.346.414)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(24.600.000.000)</b>	<b>(3.520.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.055.470.738)</b>	<b>(266.903.109)</b>
Tiền tồn đầu kỳ	60		7.918.260.814	2.060.359.134
Tiền tồn cuối kỳ	70	3	862.790.076	1.793.456.025

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 9 tháng 9 năm 2024



ĐINH XUÂN HOÀNG  
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh      Nội dung điều chỉnh

Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022

Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động chủ yếu các trong lĩnh vực sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (thủy lợi);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024, Công ty gồm trụ sở chính tại số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 01 công ty con, 02 đơn vị trực thuộc và 3 công ty liên kết như sau:

- Công ty con:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt	98%	98%	98%	Số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

- Công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	31,18%	31,18%	31,18%	Thôn 16, Xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	38,40%	38,40%	38,40%	Số 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	43%	43%	43%	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- Đơn vị trực thuộc:

TT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam
2	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

### 2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

#### a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Nghị định kèm theo số 174/2016/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

#### b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

### 2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

#### a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi không kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

# Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

## 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 36
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

## 2.7. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty là BCC chia lợi nhuận sau thuế: là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát. BCC cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 2.8. Các khoản đầu tư

#### a) Đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty liên kết, liên doanh sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư. Các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### b) Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

## **Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### *2.10. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ;
- Chi phí sửa chữa nhà máy.

### *2.11. Các khoản phải trả người bán*

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

### *2.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

### *2.13. Chi phí phải trả*

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

## **Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### **2.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### **a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

#### **b) Ghi nhận cổ tức**

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

### **2.15. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### **a) Doanh thu bán điện**

Doanh bán điện được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

#### **b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

#### **c) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

#### **d) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### **2.17. Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

### **2.18. Phân loại lại**

Một số khoản mục trong Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng  
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)  
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 3. Tiền

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Tiền mặt	9.814.513	67.156.540
Tiền gửi ngân hàng	852.975.563	7.851.104.274
	<b>862.790.076</b>	<b>7.918.260.814</b>

#### 3.1. Số tiền vay thực thu trong kỳ

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	117.377.346.414

#### 3.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	24.600.000.000	120.897.346.414

### 4. Phải thu của khách hàng

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>8.818.352.067</b>	<b>9.978.392.054</b>
Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	8.818.352.067	9.978.392.054
	<b>8.818.352.067</b>	<b>9.978.392.054</b>

### 5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>33.344.321.878</b>	<b>218.242.495.557</b>
Tạm ứng	555.090.098	500.606.516
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	32.789.231.780	25.484.898.630
Ông Trần Văn Hải	-	9.146.990.411
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	-	183.110.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>183.163.747.965</b>	<b>53.747.965</b>
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	183.110.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	53.747.965	53.747.965
	<b>216.508.069.843</b>	<b>218.296.243.522</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia về việc hợp tác triển khai dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1), số tiền hợp tác đầu tư là 183.110.000.000 VND, thời hạn hợp tác là 24 tháng, tỷ lệ phân chia lợi nhuận không thấp hơn 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Theo thỏa thuận số 12.04/2022/BBTT/PHG-TTE ngày 10 tháng 4 năm 2022, định kỳ mỗi năm, hai bên sẽ tiến hành xác nhận số liệu công nợ với nhau, với tỷ lệ phân chia lợi nhuận từ hợp đồng này theo mức lãi suất cố định là 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Ngày 4 tháng 4 năm 2024, Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia ký Phụ lục số 01\_03/2024/PLHĐHTĐT/PHG-TTE để gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng này đến ngày 6 tháng 4 năm 2026, do dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1) được gia hạn đến tháng 7 năm 2027 theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	-	13.827.273	(4.854.546)	8.972.727
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	66.924.634	244.483.877	(158.746.284)	152.662.227
Chi phí thuê văn phòng	91.536.366	161.072.727	(161.072.728)	91.536.365
Chi phí trả trước khác	10.000.000	227.656.841	(10.000.000)	227.656.841
	<b>168.461.000</b>	<b>647.040.718</b>	<b>(334.673.558)</b>	<b>480.828.160</b>

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị (trình bày lại)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý (trình bày lại)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	369.996.813.760	99.726.727.269	3.685.550.375	1.008.280.714	474.417.372.118
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>369.996.813.760</b>	<b>99.726.727.269</b>	<b>3.685.550.375</b>	<b>1.008.280.714</b>	<b>474.417.372.118</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số dư đầu kỳ	163.784.751.566	64.681.221.813	3.159.798.645	390.223.661	232.015.995.685
Tăng trong kỳ	6.027.917.904	2.290.034.268	128.895.336	72.871.479	8.519.718.987
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>169.812.669.470</b>	<b>66.971.256.081</b>	<b>3.288.693.981</b>	<b>463.095.140</b>	<b>240.535.714.672</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	206.212.062.194	35.045.505.456	525.751.730	618.057.053	242.401.376.433
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>200.184.144.290</b>	<b>32.755.471.188</b>	<b>396.856.394</b>	<b>545.185.574</b>	<b>233.881.657.446</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là 232.775.765.280 đồng (31.12.2023: 240.748.411.814 đồng).

Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.971.021.030 đồng (31.12.2023: 1.971.021.030 đồng).

### 8. Đầu tư vào công ty con

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu (%)	30.6.2024		1.1.2024	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt	98	234.220.000.000	-	234.220.000.000	-
		<b>234.220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>234.220.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 với số vốn điều lệ là 239 tỷ đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 9. Đầu tư vào công ty liên kết

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu (%)	30.6.2024		1.1.2024	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)	31,18	85.800.000.000	(18.655.955.879)	85.800.000.000	(7.984.792.914)
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi (2)	38,40	52.800.000.000	(31.392.131.249)	52.800.000.000	(27.730.969.203)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (3)	43,00	77.400.000.000	(871.596.900)	77.400.000.000	(1.895.753.813)
		<b>216.000.000.000</b>	<b>(50.919.684.028)</b>	<b>216.000.000.000</b>	<b>(37.611.515.930)</b>

- (1) Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Huổi Vang ở xã Mường Mơn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (3) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện ở xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty đang hoạt động bình thường.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm/Phân bổ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	297.209.540	-	(105.057.863)	192.151.677
Chi phí sửa chữa nhà máy	2.491.361.882	-	(714.388.867)	1.776.973.015
	<b>2.788.571.422</b>	<b>-</b>	<b>(819.446.730)</b>	<b>1.969.124.692</b>

### 11. Phải trả người bán

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.645.844.400</b>	<b>2.616.455.781</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia Việt Nam	2.598.400.00	2.598.400.000
Khác	47.444.400	18.055.781
	<b>2.645.844.400</b>	<b>2.616.455.781</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm/Đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
<b>Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	113.180.696	(113.180.696)	-
	-	<b>113.180.696</b>	<b>(113.180.696)</b>	-
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.455.637.770	2.532.784.517	(3.988.310.309)	1.000.111.978
Thuế thu nhập cá nhân	23.072.899	122.550.187	(131.725.804)	13.897.282
Thuế tài nguyên	1.501.678.415	1.917.655.512	(3.185.982.581)	233.351.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1	-	-	1
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các loại thuế khác	1.366.182.592	1.013.710.156	(1.200.190.156)	1.179.702.592
	<b>5.346.571.677</b>	<b>5.590.700.372</b>	<b>(8.510.208.850)</b>	<b>2.427.063.199</b>

#### 12.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### 12.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là mức 20%.

Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đắk Ne: Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy Thủy điện Đắk Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đắk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ phần Tấn Phát cụ thể: Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(16.298.548.911)	(14.300.001.202)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	679.786.870	151.938.561
Các khoản điều chỉnh tăng	679.786.870	151.938.561
Chi phí không được trừ	679.786.870	151.938.561
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	(15.618.762.041)	(14.148.062.641)
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	(15.618.762.041)	(14.148.062.641)
Thu nhập theo thuế suất thông thường	-	(17.473.164.605)
Thu nhập được ưu đãi thuế	-	3.325.101.964
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong kỳ	-	166.255.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả trong kỳ	-	166.255.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu kỳ	1	363.474.303
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) kỳ trước	-	(292.065.238)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối kỳ</b>	<b>1</b>	<b>237.664.163</b>

### 12.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 13. Chi phí phải trả

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.822.319.214</b>	<b>8.790.674.335</b>
Chi phí lãi vay	6.223.319.214	6.191.674.335
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
	<b>8.822.319.214</b>	<b>8.790.674.335</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>55.740.570.563</b>	<b>49.136.405.479</b>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	139.814.400	-
Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư	19.837.556.163	16.325.205.479
Ông Bùi Xuân Huy (*)	19.837.556.163	16.325.205.479
Các khoản khác	35.763.200.000	32.811.200.000
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (**)	35.713.200.000	31.213.200.000
Ông Trần Văn Hải	-	1.548.000.000
Phải trả đối tượng khác	50.000.000	50.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>176.100.000.000</b>	<b>176.100.000.000</b>
Ông Bùi Xuân Huy (*)	176.100.000.000	176.100.000.000
	<b>231.840.570.563</b>	<b>225.236.405.479</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 8 tháng 12 năm 2023.

(\*\*) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Hợp đồng mượn tiền số 02/HĐMT/TTE-NT ngày 05/07/2023 với số tiền là 7.500.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất;
- Hợp đồng mượn tiền số 03/HĐMT/TTE-NT ngày 12/10/2023 với số tiền là 13.800.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 12 tháng và không có lãi suất;
- Hợp đồng mượn tiền số 01/2023/HĐMT/TTE-NT ngày 2/1/2024 với số tiền 12.000.000.000 VND, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không lãi suất.
- Hợp đồng số 02/2024/HĐMT/TTE-NT ngày 10/4/2024 với số tiền là 7.000.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 15. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>282.726.467.682</b>	<b>284.293.567.680</b>
Vay ngân hàng	33.500.000.000	36.200.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	249.226.467.682	248.093.567.680
<b>Vay dài hạn</b>	<b>73.600.000.000</b>	<b>95.500.000.000</b>
Vay ngân hàng	73.600.000.000	95.500.000.000
	<b>356.326.467.682</b>	<b>379.793.567.680</b>

(\*) Trình bày lại từ dài hạn sang ngắn hạn theo Công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 18/2024/TB-TTE ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Công ty.

#### 15.1. Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 30.6.2024
<b>Ngắn hạn</b>					<b>282.726.467.682</b>
<b>Vay ngân hàng</b>					<b>282.726.467.682</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	12	30/6/2025	8,5	Thế chấp	7.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	12	5/6/2025	10,4	Thế chấp	26.000.000.000
- Trái phiếu phát hành (3)	12	19/10/2024	11,00	Tài sản đảm bảo	249.226.467.682
<b>Dài hạn</b>					<b>73.600.000.000</b>
<b>Vay ngân hàng</b>					<b>73.600.000.000</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	144	31/12/2028	8,5	Thế chấp	32.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	144	31/12/2026	10,4	Thế chấp	41.600.000.000
					<b>356.326.467.682</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTĐH/SĐBS-02 ngày 9/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 8/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031- 14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1 MW và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (3) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 5/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2,499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng. Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52.800.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77.400.000.000 VND.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt với số tiền là 25.500.000.000 VND và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8.500.000.000 VND.



## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 1.1.2023	284.904.000.000	-	9.804.791.472	294.708.791.472
Lỗ trong năm	-	-	(18.215.001.448)	(18.215.001.448)
Chia các quỹ	-	32.187.286	(64.374.572)	(32.187.286)
Điều chỉnh khác	-	-	292.065.238	292.065.238
Số dư 1.1.2024	284.904.000.000	32.187.286	(8.182.519.310)	276.753.667.976
Lỗ trong kỳ	-	-	(16.298.548.911)	(16.298.548.911)
Số dư 30.6.2024	284.904.000.000	32.187.286	(24.481.068.221)	260.455.119.065

#### 16.2. Chi tiết vốn cổ phần:

Cổ đông	30.6.2024			1.1.2024		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000	-	22.889.000.000	22.889.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000	-	13.675.000.000	13.675.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Anh	13.900.000.000	13.900.000.000	-	13.900.000.000	13.900.000.000	-
Các cổ đông khác	234.440.000.000	234.440.000.000	-	234.440.000.000	234.440.000.000	-
	<b>284.904.000.000</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>-</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>-</b>

#### 16.3. Cổ phần:

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phần đã phát hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phần thường	28.490.400	28.490.400
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần thường	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phần thường	28.490.400	28.490.400
Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 17. Doanh thu

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Nhà máy thủy điện Đắk Ne	23.380.422.822	25.360.991.568
Nhà máy thủy điện Tà Vi	5.348.018.001	7.706.070.060
	<b>28.728.440.823</b>	<b>33.067.061.628</b>

Trong đó:

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Doanh thu đối với các bên khác	28.728.440.823	33.067.061.628
	<b>28.728.440.823</b>	<b>33.067.061.628</b>

### 18. Giá vốn hàng bán

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Nhà máy thủy điện Dakne	9.106.593.009	9.048.466.913
Nhà máy thủy điện Tà vi	3.326.246.987	3.324.252.195
	<b>12.432.839.996</b>	<b>12.372.719.108</b>

### 19. Chi phí sản xuất theo yếu tố

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023 (trình bày lại)</b>
Chi phí nhân công trực tiếp	2.233.503.954	2.138.109.208
Chi phí dụng cụ sản xuất	67.688.093	14.648.400
Chi phí khấu hao	8.519.718.987	8.519.718.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.728.070	1.000.724.663
Thuế, phí và lệ phí	4.930.115	11.318.159
Chi phí khác	626.270.777	688.199.694
	<b>12.432.839.996</b>	<b>12.372.719.108</b>

### 20. Doanh thu hoạt động tài chính

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Lãi tiền gửi	2.743.369	15.893.531
Lãi từ hợp tác kinh doanh	7.304.333.150	9.861.463.223
Lãi phải thu ông Trần Văn Hải	-	4.701.784.932
	<b>7.307.076.519</b>	<b>14.579.141.686</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 21. Chi phí tài chính

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Chi phí lãi vay	19.544.439.087	23.561.878.946
Chi phí phát hành trái phiếu	1.132.900.002	1.132.900.002
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	13.308.168.098	17.521.642.395
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.512.350.684	4.936.986.301
	<b>37.497.857.871</b>	<b>47.153.407.644</b>

### 22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.250.504.050	1.373.695.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.989.373	14.648.400
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	11.318.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.602.625	544.541.461
Chi phí khác	293.903.939	331.254.120
	<b>1.951.999.987</b>	<b>2.268.139.203</b>

### 23. Chi phí khác

<b>Nội dung</b>	<b>Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024</b>	<b>Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023</b>
Chi phí phạt thuế, hành chính	451.786.870	151.938.561
	<b>451.786.870</b>	<b>151.938.561</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 24.1. Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Ông Trần Văn Hải	Thành viên hội đồng quản trị	Thu tiền lãi	9.146.990.411	1.900.000.000
		Lãi phải thu	-	4.701.784.932
		Trả tiền cổ phần đã bán	1.548.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	43.000.000	5.700.000.000
		Hoàn ứng	-	6.504.500.000

#### 24.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			30.6.2024	1.1.2024
<b>Phải thu khác</b>				
Ông Trần Văn Hải	Thành viên hội đồng quản trị	Thu tiền lãi	-	9.146.990.411
<b>Tạm ứng</b>				
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	99.483.336	56.483.336
<b>Phải trả khác</b>				
Ông Trần Văn Hải	Thành viên hội đồng quản trị	Bán cổ phần	-	1.548.000.000

#### 24.3. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Nội dung	Chức danh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên hội đồng quản trị	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên hội đồng quản trị	30.000.000	30.000.000
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc	60.000.000	78.291.666
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	83.500.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng	198.000.000	235.100.000
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban Kiểm soát	42.000.000	42.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
		<b>516.000.000</b>	<b>594.891.666</b>

## Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính riêng

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

### 25. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối Kế toán giữa niên độ và Thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO.

### 26. Khả năng hoạt động liên tục

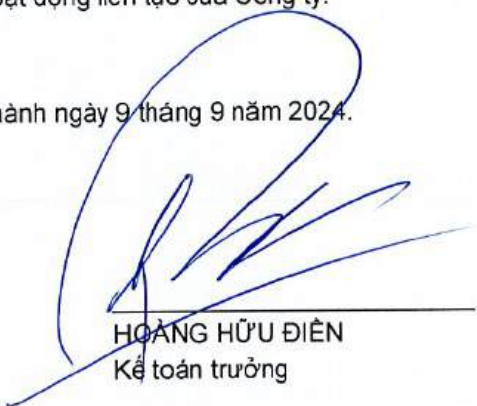
Các báo cáo tài chính được lập với giả định là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động theo khái niệm hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt giá trị tổng tài sản ngắn hạn là khoảng 308 tỷ đồng. Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### 27. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 9 tháng 9 năm 2024.



  
ĐINH XUÂN HOÀNG  
Giám đốc

  
HOÀNG HỮU ĐIỀN  
Kế toán trưởng